

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

Bản án số:05/2024/HS-ST

Ngày 15-4-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng Mí Chớ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tiến Dũng

Bà: Lương Thị Nhiều

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1996 tại xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn Bản Trưởng, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1964 và bà: Vũ Thị X - Sinh năm: 1973; Bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Đổng Văn T** - Sinh năm 1992; trú tại: Phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 31/10/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 35B2-162.94 đi từ công trình làm đường ngã ba thôn L và thôn S, xã L huyện Đ theo hướng đi xã M đi sang xã L, huyện Đ để tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khoảng 12

giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến đoạn đường quốc lộ 4C thuộc địa phận thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang thì nhìn thấy một người đàn ông dân tộc Mông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ), khoảng 50 tuổi, dáng người cao gầy có nhiều biểu hiện giống với người nghiện vừa sử dụng ma túy, T dừng xe lại rồi đi đến chỗ người đàn ông, qua nói chuyện biết người đàn ông là người nghiện ma túy nên T hỏi người đàn ông "có ma túy không bán cho T một ít", người đàn ông hỏi "muốn mua bao nhiêu", T nói "muốn mua 600.000 đồng" nói xong T lấy ra 600.000 đồng đưa cho người đàn ông, người đàn ông lấy ra đưa cho T hai gói, một gói được bọc trong túi nilon màu xanh, buộc chỉ xám, T để gói ma túy vào trong bao thuốc lá Thăng Long và cất vào túi áo khoác màu đen phía trước bên trái của T; gói còn lại được gói bằng tờ tiền 1000 đồng, T để gói ma túy vào bên trong ốp điện thoại và để vào túi quần màu đen, phía trước bên trái của T. Sau đó T quay đầu xe đi theo đường nhựa về hướng xã L, huyện Đ, khi đi đến đoạn đường vắng không có người qua lại, T dừng xe, đi bộ lên trên đồi đất phía trên đường, T lấy một phần nhỏ ma túy được bọc trong tờ tiền 1000 đồng được cất trong ốp điện thoại ra một ít để lên giấy bạc rồi đốt lửa hơi bên dưới giấy bạc rồi hít khói trực tiếp. Sau khi sử dụng ma túy xong, số ma túy còn lại T gói lại giấu trong ốp điện thoại để vào túi quần màu đen phía trước bên trái. T điều khiển xe theo hướng đi về phía xã L, huyện Đ, khi đi đến đoạn đường nhựa thuộc địa phận thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang bị Tổ công tác Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an huyện Đ đã phối hợp cùng với Chính quyền xã M tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ số đồ vật có liên quan đến vụ việc để phục vụ công tác điều tra.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang tiến hành lập biên bản kiểm tra, xét nghiệm tình trạng ma túy đối với Nguyễn Văn T. Kết quả: Tại thời điểm kiểm tra, xét nghiệm nước tiểu của Nguyễn Văn T cho kết quả dương tính với ma túy

Ngày 01/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Văn tiến hành lập biên bản mở niêm phong và cân tịnh mẫu vật nghi là ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T, được niêm phong trong 01 túi niêm phong chuyên dụng, mang mã số NS3A 092179, đồng thời lấy mẫu vật gửi giám định. Kết quả cân tịnh: Có tổng khối lượng là 0,362g (không phẩy ba trăm sáu mươi hai gam).

Tại bản kết luận giám định số: 360/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận về đối tượng giám định: “02 (hai) mẫu chất màu trắng dạng cục và dạng bột gửi giám định ký hiệu là A1, A2 đều là ma túy (Hoàn lại đối tượng sau giám định gồm: 01 (một) phong bì màu trắng, bên trong có chứa các mẫu vật còn lại sau giám định ký hiệu từ A1, A2).

Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSĐV ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng

trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vỏ, bao, gói vụ đối tượng Nguyễn Văn T", mặt sau phong bì thư có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia; 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1, A2", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "vỏ bao gói sau giám định", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) vỏ bao gói thuốc là màu vàng, thân vỏ có in hình và dòng chữ Thăng Long; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau vỏ máy màu xanh, trên thân vỏ có in chữ REALME (kèm theo 01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa, màu hồng); 01 tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho anh Đồng Văn T chiếc 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 35B2-162.94, chiếc xe máy đã qua sử, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động (kèm theo xe máy 01 chìa khóa xe máy) và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà thống nhất với lời khai của bị cáo tại hồ sơ; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu nước tiểu; Biên bản xét nghiệm chất ma túy; Biên bản mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu vật gửi giám định và niêm phong, Bản ảnh cân tịnh ma túy; Kết luận giám định và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận: Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo, ông Nguyễn Xuân Giang có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về hình phạt, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt 18 tháng tù theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại, trợ giúp viên nêu quan điểm không phải là công cụ dùng vào việc phạm tội, bị cáo không sử

dụng để liên lạc mua ma túy nên đề nghị trả lại cho bị cáo, đối với các vật chứng khác và án phí nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đồng Văn T nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì thêm, khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, ai vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Tuy nhiên do nghiện ma túy nên ngày ngày 31/10/2023, bị cáo T đã đến xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang mua 02 gói ma túy với giá 600.000 đồng về để sử dụng. Khi trên đường về đến địa phận thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, bị cáo đã bị tổ công tác Công an huyện Đ kiểm tra, phát hiện bắt quả tang bị cáo tàng trữ 0,362g ma túy (Heroine). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có đủ cơ sở để kết luận: Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

... ”

[4] Xét về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự an toàn xã hội; xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc. Do vậy cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Không.

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở cân nhắc đầy đủ, toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam với mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo là phù hợp; có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[9] Trong vụ án này, còn có đối tượng là người đàn ông dân tộc Mông bán ma túy cho bị cáo T vào ngày 31/10/2023 tại đoạn đường quốc lộ 4C thuộc địa phận thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: G01.803.803.308-981-23-000850/QĐ-XPHC xử phạt bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Văn T về hành vi điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy; Điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm³ không có Giấy phép lái xe theo quy định tại điểm h, khoản 8, Điều 6; Điểm a, khoản 5, Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/9/2019 với số tiền là 8.500.000 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[11] Về vật chứng:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau vỏ máy màu xanh, trên thân vỏ có in chữ REALME (kèm theo 01 vỏ ốp điện thoại

bằng nhựa, màu hồng), tuy nhiên quá trình tố tụng đã làm rõ bị cáo đã cất giấu ma túy mua được vào vỏ ốp điện thoại để cất giấu ma túy, do đó quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo đề nghị trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự theo quan điểm đại diện viện kiểm sát.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bị cáo dùng để gói ma túy, đây là vật chứng liên quan trực tiếp đến việc gói cất giấu ma túy được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vỏ, bao, gói vụ đối tượng Nguyễn Văn T", mặt sau phong bì thư có hai dấu hình tròn đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia, tờ tiền này còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Đối với số ma túy còn lại được hoàn lại sau giám định được gói trong 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1, A2", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "vỏ bao gói sau giám định", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vỏ, bao, gói vụ đối tượng Nguyễn Văn T", mặt sau phong bì thư có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia; 01 (một) vỏ bao gói thuốc là màu vàng, thân vỏ có in hình và dòng chữ Thăng Long, các vật chứng nêu trên là vật cấm lưu hành, vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 35B2-162.94 (kèm theo xe máy: 01 chìa khóa xe máy), đây là chiếc xe bị cáo T mượn của anh Đ Tuyên, khi mượn Tuyên không biết là bị cáo T mượn để đi mua ma túy, do vậy cần trả lại cho anh Đồng Văn T là chủ sử hữu theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí sơ thẩm: Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 31/10/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước các vật chứng gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau vỏ máy màu xanh, trên thân vỏ có in chữ REALME. Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động và bên trong máy điện thoại (kèm theo 01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa, màu hồng);

- 01 (một) Tờ tiền VNĐ mệnh giá 1000 đồng (một nghìn đồng) được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vỏ, bao, gói vụ đối tượng Nguyễn Văn T", mặt sau phong bì thư có hai dấu hình tròn đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vỏ, bao, gói vụ đối tượng Nguyễn Văn T", mặt sau phong bì thư có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang cùng các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia;

- 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1, A2", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong;

- 01 (một) phong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "vỏ bao gói sau giám định", mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hà Giang và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong;

- 01 (một) vỏ bao gói thuốc lá màu vàng, thân vỏ có in hình và dòng chữ Thăng Long.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho anh Đồng Văn T 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát 35B2-162.94, chiếc xe máy đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động (kèm theo xe máy 01 chìa khóa xe máy).

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 02/02/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng Mí Chớ